*Mẫu số 43*

|  |  |
| --- | --- |
| **(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …./…… | *Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....* |

**BÁO CÁO****HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC***(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)*

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1), - Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố………… |

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân: ………………..;

2. Loại hình doanh nghiệp: ……………….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:………………………..;

Điện thoại: …………….; Fax: …………….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …………………………….;

- Năm sinh……………………………..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……………………;

- Cơ quan cấp phép ………………………………..;

- Vị trí mỏ: thôn……………. , xã (phường, thị trấn)…………….. , huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ………………..;

- Phương pháp khai thác: …………………(lộ thiên/hầm lò/………………);

- Diện tích khu vực khai thác:………………(m2, ha, km2);

- Độ cao khai thác: từ mức………….m, đến mức………….m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……….(tấn, m3),

+ Trữ lượng khai thác ……………(tấn, m3);

- Công suất được phép khai thác: ……….. (tấn/năm, m3/năm, m3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:…………………………..;

- Vị trí mỏ: thôn………………., xã (phường) ……………, huyện (thị xã, thành phố)……….., tỉnh (thành phố) …………….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: ………………. (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:………….. (m2, ha, km2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …………….m, đến mức ………..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ………..(tấn, m3),

+ Trữ lượng khai thác ………….(tấn, m3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: …………………. (tấn/năm, m3/năm, m3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản**

**II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm**

**…**

**II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm…..**(từ khi được cấp phép)**đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)…………. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: …………..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ………(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng…năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):………….. (tấn, m3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: …………;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……………. (tấn, m3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai …………/(tấn, m3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng………… (tấn, m3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: ……… (tấn, m3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: ………….. (tấn, m3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …………….(tấn, m3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: ……….. (tấn, m3);

10. Tổng doanh thu: …………………(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: ………… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …………… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ………..(VND);

- Thuế môi trường: ………………(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ………………..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp ………… (VND).

- Khác (nếu có): …………….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản……….. (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm…………): ……………….(tấn, m3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):………(tấn, m3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…………….. (tấn, m3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……………(tấn, m3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):………….. (tấn, m3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……………;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm…………;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền………..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền…….(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác………/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

**III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo**

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, đóng dấu) |

*Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.*